

Bản án số: 18 /2017/HNGĐ-PT
Ngày 13/11/2017
“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm

Ông Huỳnh Ngọc Thiện

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ai Giôn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2017/TLPT-HNGĐ ngày 06/10/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 27/10/2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Mai Quang Q, sinh năm 1955.

Địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh B.R–V.T. (Có mặt).

2.Bị đơn: Bà Trương Thị A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh B.R–V.T. (Có mặt).

3.Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị A. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn ông Mai Quang Q trình bày: Ông Q chung sống với bà Trương Thị A vào năm 1982, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B. Việc chung sống và kết hôn của ông Q và bà A là tự nguyện. Sau khi kết hôn sống với nhau hạnh phúc, đến

năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà A có biểu hiện ngoại tình nên ông Q có nói chửi xúc phạm bà A. Từ tháng 3 năm 2014 bà A bỏ nhà đi đến tháng 8 năm 2014 bà A quay về nhà sinh sống. Đến năm 2015, bà A tiếp tục bỏ nhà đi khoảng 03 tháng, sau đó thì quay về nhà sinh sống cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông Q và bà A sinh được 05 người con: Mai Thị Minh N, sinh năm 1984; Mai Tấn N1, sinh năm 1988; Mai Toàn N2, sinh năm 1990; Mai Thị Hằng N3, sinh năm 1993; Mai Thị Thu N4 sinh ngày 18/7/2001. Hiện nay bà N, ông N1, ông N2 và bà N3 đã trưởng thành, còn cháu N4 đang đi học sống chung cùng với ông Q và bà A. Nếu được ly hôn ông Q đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng cháu N4, ông Q cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay ông Mai Quang Q thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị A.

Tại các bản khai và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị A trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như ông Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, là do ông Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác ở trong ấp rồi về nhà kiểm chuyện gây gổ xúc phạm với bà A, nói nghi bà A đi ngoại tình. Việc bà A vắng nhà là con bà A đưa bà đi bệnh viện chữa bệnh chứ không phải bỏ đi như ông Q đã trình bày. Nay ông Q yêu cầu ly hôn thì bà A không đồng ý vì bà A còn thương yêu chồng con.

Về con chung: Ông Q, bà A có 05 người con như ông Q trình bày, hiện nay các con đều chưa lập gia đình, đã đi làm và đi học tại thành phố Hồ Chí Minh, còn cháu Ngân đang đi học sống chung cùng với vợ chồng ông Q và bà A.

Nếu phải ly hôn bà A yêu cầu được nuôi cháu N4, yêu cầu ông Q cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng. Ông Q hiện là thợ sửa ghe và làm vườn, thu nhập bao nhiêu mỗi tháng bà A không biết.

Về tài sản chung: Bà A yêu cầu chia đôi mỗi người một nửa.

Về nợ chung: Có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Xuyên Mộc, nhưng cụ thể còn bao nhiêu thì bà A không biết. Bà A yêu cầu nợ chung chia đôi mỗi người trả một nửa.

Tại bản án số 63/2017/HNGĐST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tuyên xử:

+Ông Mai Quang Q được ly hôn với bà Trương Thị A.

+Bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N4, ông Q cấp dưỡng nuôi cháu N4 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu N4 đủ 18 tuổi.

+Về tài sản chung và nợ chung: Các bên có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác để yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/9/2017, bị đơn bà Trương Thị A có đơn kháng cáo: Toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, với nội dung: Bà A còn rất thương yêu ông Q và các con nên không đồng ý ly hôn, sẵn sàng bỏ qua lỗi lầm cho ông Q để gia đình sống hạnh phúc như trước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên Tòa, xét thấy tình cảm của ông Q không còn yêu thương bà A, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con ông Q nhận cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp. Hiện nay ông Q trên 60 tuổi theo pháp luật quy định, đề nghị miễn án phí cho ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo quá hạn của bà Trương Thị A trong hạn luật định, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và xem xét lại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 25/07/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Mai Quang Q tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Trương Thị A, bà A và ông Q đều cư trú tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] *Xét nội dung kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy:*

Ông Mai Quang Q và bà Trương Thị A kết hôn tự nguyện, hôn nhân hợp pháp, vợ chồng chung sống từ năm 1982. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đã trên 32 năm và sinh được 05 người con, đến năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn

do ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác về nhà đối xử không tốt với vợ con, ông Q thường cãi vã xúc phạm và đuổi bà A ra khỏi nhà. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn thì bà A bị bệnh được các con đem đi bệnh viện điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh (có giấy khám chữa bệnh và nằm viện điều trị bệnh). Ông Q cho rằng bà A bỏ nhà đi là nghi ngờ bà A đi ngoại tình nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh. Thực chất bà A vắng nhà trong một thời gian là các con bà A đưa bà A đi thành phố Hồ Chí Minh trị bệnh. Tại biên bản hòa giải của tổ hòa giải áp ngày 30/3/2016, thể hiện ông Q có quan hệ với một người phụ nữ và tổ hòa giải đã khuyên ông Q không nên quan hệ với người phụ nữ đó nữa, phải có trách nhiệm với vợ con.

Từ trước đến nay ông Q và bà A vẫn ăn chung, ở chung một nhà cùng với con, vợ chồng không có hành vi bạo lực gia đình, bà A còn thương yêu ông Q và sẵn sàng bỏ qua tất cả sai lầm cho ông Q, hiện tại ông Q và bà A tuổi đã cao, cuộc sống vợ chồng cùng 05 người con đã trải qua bao khó khăn vất vả mới có được hạnh phúc gia đình trên 32 năm, bà A hiện đang bị bệnh rất cần sự chăm sóc thương yêu của chồng và các con. Hiện nay ông Q không còn quan hệ với người phụ nữ đó nữa. Tình trạng hôn nhân của ông Q và bà A chưa đến mức trầm trọng, mâu thuẫn gia đình có thể hàn gắn được, nên cần thiết để ông Q và bà A về sống chung vợ chồng cùng nhau sửa chữa lỗi lầm tiếp tục cùng các con xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những phân tích nhận định như trên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ Điều 27, 30 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng, nguyên đơn ông Q phải chịu nhưng ông Q đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: 200.000 đồng, do chấp nhận kháng cáo nên bà A không phải nộp án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27, 30 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị A. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, như sau:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Bác đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn của ông Mai Quang Q đối với bà Trương Thị A.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) ông Q phải chịu nhưng ông Q được miễn nộp án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001485 ngày 9 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bị đơn bà A không phải nộp án phí, nhưng được trả lại số tiền tạm ứng án phí hôn nhân phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0005363 ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 13/11/2017.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đã đóng dấu)**

Trịnh Hoàng Anh